

UBND XÃ TRÀ BÔNG

SỐ LIỆU TỔNG DÂN SỐ, SỐ HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO
CỦA TỪNG DÂN TỘC

(Kèm theo Báo cáo số 217/BC-UBND ngày 24/11//2025 của Ủy ban nhân dân xã xã Trà Bông)

TT	Tên dân tộc	Tổng dân số theo dữ liệu quản lý dân cư trong vòng 15 ngày kể từ ngày Nghị định có hiệu lực thi hành (Người)	Tổng số hộ theo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024 (hộ)	Tổng số hộ nghèo theo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024 (hộ)	Tổng số hộ cận nghèo theo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024 (hộ)	Tổng số hộ nghèo và cận nghèo theo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024 (hộ)	Ghi
1	2	3	4	5	6	7=5+6	8
1	Kinh	9522	2.324	88	111	199	
2	Co	8685	2086	363	392	755	
3	Hrê	70	8	1		1	
4	Mường	47	10	2		2	
5	Tày	46	9		1	1	
6	Thái	13				0	
7	Xơ Đăng	6	0		0	0	
8	Cơ Tu	5					
9	Chăm	4					
10	Hoa	3					
11	Khmer	2		1			
12	Nùng	2					
13	Ê Đê	2					
14	Xtiêng	2					
15	Gié triêng	2					
16	Gia Rai	1					
17	Ba na	1					
18	Cơ Ho	1					
19	Mnông	1					
20	Raglay	1					
21	Khơ Mu	1					
	Tổng	18.417	4.437	455	504	958	